

Câu 7: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29 cho biết tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng là

- A. Sóc Trăng. B. Cần Thơ. C. Long Xuyên. D. Kiên Giang.

Câu 8: Một trong những biện pháp quan trọng nhất để ứng phó với thiên tai lũ lụt ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đắp đê ngăn lũ. B. sống chung với lũ.
C. đầu tư cho các dự án thoát nước. D. di tản dân cư đến các vùng cao hơn.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29 cho biết cây công nghiệp lâu năm có diện tích lớn nhất vùng ĐNB là

- A. điều. B. hồ tiêu. C. cà phê. D. cao su.

Câu 10: Khó khăn lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ đối với sự phát triển kinh tế là

- A. tài nguyên sinh vật hạn chế và suy thoái.
B. đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.
C. ít khoáng sản, rừng và ô nhiễm môi trường.
D. chỉ có 2 tỉnh và thành phố giáp biển.

Câu 11 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29 cho biết Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào?

- A. Sóc Trăng. B. Cà Mau. C. Kiên Giang. D. Bạc Liêu.

Câu 12: Đầu mối giao thông vận tải quan trọng nhất của vùng Đông Nam Bộ

- A. Biên Hòa. B. Bà Rịa – Vũng Tàu.
C. T.p Hồ Chí Minh. D. Đồng Nai.

Câu 13: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. đất badan và đất feralit. B. đất xám và đất phù sa.
C. đất phù sa và đất feralit. D. đất badan và đất xám.

Câu 14: Đồng bằng Sông Cửu Long được bù đắp phù sa của sông?

- A. Mê Công B. Sông Hồng C. Thái Bình D. Đồng Nai

Câu 15: Đâu **không** phải là khó khăn về điều kiện tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Lũ lụt xảy ra hàng năm. B. Đất nhiễm mặn, nhiễm phèn.
C. Nước biển dâng. D. đất đai màu mỡ.

Câu 16: Trong ngành chăn nuôi, loại gia cầm nào được nuôi nhiều nhất vùng?

- A. Gà. B. Ngỗng. C. Ngan. D. Vịt.

Câu 17: Khu vực dịch vụ ở ĐBSCL gồm chủ yếu các ngành nào?

- A. Bưu chính viễn thông, vận tải thủy, du lịch.
B. Vận tải đường ống, bưu chính viễn thông, du lịch.
C. Vận tải đường hàng không, xuất nhập khẩu, du lịch.
D. Xuất nhập khẩu, vận tải thủy, du lịch.

Câu 18: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố

- A. 12. B. 13. C. 15. D. 14.

Câu 19: Trong cơ cấu kinh tế của vùng ĐNB, khu vực kinh tế chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. lâm, ngư nghiệp. B. dịch vụ.
C. công nghiệp – xây dựng. D. nông nghiệp.

Câu 20: Cho bảng số liệu

Mật độ dân số của các vùng ở nước ta năm 2016(đv: người/km²)

Các vùng	Mật độ dân số
Đồng bằng Sông Hồng	1320
Đông Nam Bộ	697
Đồng bằng sông Cửu Long	433
Cả nước	280

Để thể hiện mật độ dân số các vùng ở nước ta năm 2016, biểu đồ thích hợp nhất là

A. miền. B. cột. C. tròn. D. đường.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas địa lý trang 29 cho biết cần thơ không có ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Cơ khí B. Hóa chất C. Vật liệu xây dựng. D. Đóng tàu.

Câu 22: Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam trang 29, Trung tâm công nghiệp khai thác dầu khí của vùng Đông Nam Bộ là

A. Vũng Tàu. B. Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Thành phố Hồ Chí Minh. D. Biên Hòa.

Câu 23: Khoáng sản chính ở ĐBSCL là

A. than đá, sắt. B. đá quý, vàng.

C. dầu mỏ, khí đốt. D. đá vôi, than bùn.

Câu 24: Thành phố Hồ Chí Minh chiếm bao nhiêu % giá trị sản xuất công nghiệp toàn vùng?

A. 60%. B. 40%. C. 50%. D. 70%.

Câu 25: Các mặt hàng xuất khẩu của vùng Đông Nam Bộ

A. dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng may mặc, giày dép.

B. dầu thô, thực phẩm chế biến, máy móc thiết bị, giày dép.

C. dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng cao cấp, hàng may mặc.

D. dầu thô, nguyên liệu sản xuất, máy móc thiết bị, hàng may mặc.

Câu 26: Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam trang 30 cho biết Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 8. B. 7. C. 9. D. 6.

Câu 27: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất vùng ĐBSCL

A. đất xám trên phù sa cổ. B. đất mặn.

C. đất phù sa ngọt. D. đất phèn.

Câu 28: Đặc điểm nào không đúng về tự nhiên vùng Đông Nam Bộ?

A. Khoáng sản đất liền ít. B. Địa hình đồng bằng.

C. Đất ba dan, đất xám chủ yếu. D. Khí hậu cận xích đạo.

II/ Phần tự luận: 3 đ

Câu 1: Trình bày những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế

----- **Hết** -----